



ĐẠI HỌC HUẾ  
順化大學



ĐẠI HỌC CHINAN  
國立暨南國際大學



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC  
 Hue University of Sciences



VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á  
東南亞研究所

# KÝ YẾU HỘI THAO QUỐC TẾ QUAN HỆ VIỆT NAM - ASEAN - TAIWAN

## 越南-東協-臺灣關係國際研討會論文集



HUẾ, 2011

順化, 2011

ĐẠI HỌC HUẾ

順化大學

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

順化科學大學

ĐẠI HỌC CHINAN

國立暨南國際大學

SỞ NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

東南亞研究所

KÝ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ

QUAN HỆ VIỆT NAM - ASEAN - TAIWAN

越南-東協-臺灣關係國際研討會論文集

HUẾ, 2011

順化, 2011

## MỤC LỤC

Lời nói đầu

### PHẦN 1: Sự điều chỉnh chính sách và vai trò của Việt Nam, ASEAN, Taiwan trong hợp tác ở châu Á – Thái Bình Dương và Đông Á

1.	<i>Nguyễn Thế Phúc</i>	Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ đổi mới .....	3
2.	<i>Trương Công Huỳnh Kỳ</i>	Chính sách đối ngoại của Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XX .....	8
3.	<i>Nguyễn Văn Lan</i>	Đường lối đối ngoại đổi mới và Hội nhập quốc tế của Việt Nam sau 25 năm nhìn lại .....	16
4.	<i>Nguyễn Công Khanh Hắc Xuân Cảnh</i>	Những nhân tố thúc đẩy sự hình thành và phát triển quan hệ hợp tác giữa Đài Loan – Việt Nam.	26
5.	<i>Trần Thị Hợi</i>	Một số nhân tố thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Đài Loan trong thập niên 1990.....	35
6.	<i>Bùi Trúc Linh</i>	“Chính sách hướng Nam” của Đài Loan ở các nước ASEAN: hệ quả nhìn từ hai phía .....	44
7.	<i>Nguyễn Thị Hồng Nguyễn Văn Sang</i>	Những nhân tố tác động đến mối quan hệ thương mại song phương Đài Loan - Malaysia vào những thập niên cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI.....	53
8.	<i>Nguyễn Thế Hồng</i>	Nhìn lại một số yếu tố ảnh hưởng đến tiến trình liên kết an ninh khu vực Đông Á hiện nay .....	61
9.	<i>Trần Khánh</i>	Sự nổi lên của các vấn đề an ninh và tác động của chúng đến môi trường hợp tác và cạnh tranh ở Đông Nam Á .....	67
10.	<i>Trần Hữu Trung</i>	Quan điểm của Nhật Bản và Trung Quốc về vai trò của ASEAN trong hợp tác Đông Á .....	74
11.	<i>Nguyễn Thu Mỹ</i>	Quan điểm của Đông Nam Á về sự trỗi dậy của Trung Quốc .....	80
12.	<i>Ngô Vương Anh</i>	Vị thế của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh lạnh .....	92
13.	<i>Tsai, Tung-Chieh</i>	Constructing of East Asian Regional Regime: Development and Challenges .....	98
14.	<i>Lê Văn Anh Bùi Thị Kim Huệ</i>	Vị thế của Đài Loan trong hợp tác kinh tế ở Đông Á .....	105
15.	<i>Lê Vũ Trường Giang Đương Quang Hiệp</i>	Nhân tố Đài Loan trong vấn đề an ninh ở khu vực Đông Nam Á .....	111
16.	<i>Weng, Fwu-Yuan Chen, Zhong-Cai</i>	World University Rankings and Establishing World Class University: The Ways That Taiwan Approaching .....	119
17.	<i>Nguyễn Hoàng Linh</i>	Tương lai của Đài Loan trong hợp tác Đông Á đầu thế kỉ XXI: vấn đề và triển vọng .....	130

## PHẦN 2: Quan hệ Việt Nam - ASEAN trên các lĩnh vực

18.	<i>Yen, Chih-hung Lee, Ying-Hui</i>	Transformation of Chinese Beliefs in Vietnam: Hoi An in the 17 <sup>th</sup> Century .....	139
19.	<i>Thái Quang Trung</i>	Quan hệ giữa Việt Nam và một số nước Đông Nam Á trên lĩnh vực kinh tế từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX và một số vấn đề đặt ra hiện nay .....	149
20.	<i>Đặng Văn Chương</i>	Việt Nam – Thái Lan trong mối quan hệ với các nước Đông Nam Á lục địa nửa đầu thế kỷ XIX.....	154
21.	<i>Đỗ Thanh Bình Trịnh Nam Giang</i>	Quan hệ Việt Nam – ASEAN: 43 năm nhìn lại và hướng tới .....	160
22.	<i>Nguyễn Văn Tân</i>	Vai trò của Việt Nam trong tổ chức ASEAN – 15 năm nhìn lại .....	166
23.	<i>Trần Thị Thom</i>	Chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với ASEAN trong thời kỳ đổi mới .....	172
24.	<i>Nguyễn Minh Hiền</i>	Quan hệ Việt Nam – ASEAN trong tiến trình hội- nhập và phát triển .....	177
25.	<i>Đinh Thanh Hoa</i>	Tìm hiểu quan hệ Việt Nam – ASEAN (1990 – 2010).....	185
26.	<i>Trần Thị Hằng</i>	Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN và vai trò của Việt Nam .....	192
27.	<i>Vũ Thị Thùy</i>	Một số bài học đúc rút từ quan hệ Việt Nam – Singapore (1973 – 2010) .....	200
28.	<i>Mai Thúy Bảo Hạnh</i>	Quan hệ Việt Nam – Thái Lan (2000 – 2005).....	206
29.	<i>Nguyễn Phương Thanh</i>	Những bài học rút ra cho Việt Nam từ cuộc khủng hoảng tài chính của Thái Lan những năm cuối thế ki XX đầu thế ki XXI.....	216
30.	<i>Trịnh Thị Định Nguyễn Hoàng Hué</i>	Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt - Lào trong thập niên đầu thế kỷ XXI .....	223
31.	<i>Lê Đình Chính</i>	Quan hệ Việt Nam - Lào trên một số lĩnh vực trong giai đoạn 2001 – 2010: Thành tựu và triển vọng .....	231
32.	<i>Hoàng Thị Minh Hoa Trần Xuân Hiệp</i>	Quan hệ Việt Nam – Campuchia (1993- 2008).....	240

## PHẦN 3: Quan hệ Taiwan - ASEAN trên các lĩnh vực

33.	<i>Hoàng Thị Xuân Vinh</i>	Đài Loan – một mảnh ghép của bức tranh toàn cảnh khu vực văn hóa Đông Nam Á .....	249
34.	<i>YANG, Hao</i>	Emerging Local Logic in Regional Integration: Embedded Localism and Competitive Localism in China-ASEAN Relations.....	254
35.	<i>Trương Tuấn Vũ</i>	Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng người Hoa ở Indonesia .....	263

#### PHẦN 4: Quan hệ Việt Nam – Taiwan trên các lĩnh vực

36.	<i>Trịnh Thị Định</i>	Việt Nam trong chính sách hướng Nam của Đài Loan .....	271
37.	<i>Lê Thị Mai</i>	Sự lựa chọn đối tác Việt Nam của Đài Loan vào cuối thập niên 1980 – đầu thập niên 1990 .....	277
38.	<i>Hoàng Văn Hiển Võ Trần Ngọc Minh</i>	Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan (1992 - 2010) .....	283
39.	<i>Đỗ Thanh Bình Văn Ngọc Thành</i>	Quan hệ thương mại Đài Loan – Việt Nam (1990 – 2010) .....	295
40.	<i>Nguyễn Quang Trung Tiến</i>	Quan hệ thương mại Việt Nam – Đài Loan trong thập niên đầu thế kỷ XXI và những vấn đề đặt ra ..	304
41.	<i>Đương Quang Hiệp Nguyễn Xuân Hồng</i>	Những đặc điểm đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam giai đoạn 1988 – 2010 .....	311
42.	<i>Lưu Trang Nguyễn Duy Phương</i>	Đầu tư trực tiếp của Taiwan vào Việt Nam: thành tựu và đặc điểm .....	318
43.	<i>Mai Thị Phú Phương</i>	Quan hệ Việt Nam - Đài Loan trong thế kỷ XXI: thời cơ và thách thức .....	326
44.	<i>Phạm Thị Hồng Vinh</i>	Quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan (1986-2009) .....	334
45.	<i>La Xuân Thành</i>	Nhân tố cơ bản tác động đến hợp tác kinh tế Đài Loan - Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh lạnh .....	339
46.	<i>Nguyễn Văn Đăng</i>	Về hoạt động của nhà Đông phương học Trần Kinh Hòa (1917-1995) trên đất Việt Nam .....	350
47.	<i>Nguyễn Thu Hằng Nguyễn Văn Đăng</i>	Những đóng góp của Giáo sư Chen Ching Ho đối với nền Sử học Việt Nam .....	359
48.	<i>Phan Thanh Hải</i>	Giao lưu trao đổi văn hóa Việt Nam - Đài Loan, thực trạng và triển vọng .....	366
49.	<i>Chen, Pei-Hsiu</i>	The “Focus on Southeast Asia” Program of Taiwan’s Higher Education: The Case Study of Taiwan-Vietnam Educational Interaction .....	371
50.	<i>Nguyễn Việt Phương</i>	Vài nét về giáo dục, chính sách giáo dục của Đài Loan và kinh nghiệm đối với Việt Nam .....	378
51.	<i>Kwung, Yi-Chun</i>	The Politics of “Drinking Coffee”: Labor Formation of Taiwanese Business in Vietnam .....	384
52.	<i>Lê Thị Kim Lan</i>	Lao động Việt Nam tại Đài Loan: cơ hội và thách thức .....	392
53.	<i>Lim, Khay Thiong</i>	The Hakka Association in HCM City, Vietnam: History and Present Situation .....	400
54.	<i>Phạm Phú Phong</i>	Tổng quan về văn học hiện đại Đài Loan – nhìn từ Việt Nam .....	411
55.	<i>Hà Văn Luõng</i>	Một số vấn đề về tiếp nhận văn học Đài Loan ở Việt Nam .....	419

# NHỮNG NHÂN TỐ THÚC ĐẨY SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA ĐÀI LOAN - VIỆT NAM

Nguyễn Công Khanh<sup>\*</sup>  
Hàc Xuân Cảnh<sup>\*\*</sup>

Quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam trải qua quá trình hình thành và phát triển liên tục từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến nay. Quá trình đó đã và đang chịu sự tác động bởi nhiều nhân tố chủ quan và khách quan. Mỗi nhân tố đóng một vai trò riêng và tác động ở những mức độ nhất định. Trong đó, sự biến đổi của tình hình quốc tế và khu vực đã tạo ra môi trường hòa bình, hợp tác trong việc thúc đẩy sự hình thành và phát triển của mối quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam còn quá trình phát triển của Việt Nam và Đài Loan cùng với những điều chỉnh trong chính sách đối nội và đối ngoại của mình là nhân tố qui định sự vận động của mối quan hệ này. Trong số những nhân tố có ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam từ cuối những năm 1980 đến nay có những nhân tố đã qua và kết thúc vai trò của nó nhưng cũng có những nhân tố đang và sẽ tiếp tục chi phối đến việc phát triển mối quan hệ giữa hai bên.

Với mục đích là góp phần lí giải sự hình thành và phát triển nhanh chóng của quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam trong những thập niên gần đây, trong bài viết này chúng tôi chỉ tập trung phân tích những nhân tố có vai trò thúc đẩy sự hình thành và phát triển của mối quan hệ này, từ đó nêu lên một số kiến nghị góp phần thúc đẩy quan hệ giữa hai bên trong tương lai. Do vậy, những tác động tiêu cực của các nhân tố được đề cập trong bài viết này và những nhân tố có tác động xấu, kìm hãm sự phát triển quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam sẽ được chúng tôi đề cập ở một bài nghiên cứu khác.

## 1. Nhân tố quốc tế, khu vực và sự gần gũi địa lý, tương đồng về văn hóa giữa Đài Loan và Việt Nam

Vào giữa những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình quốc tế đã có những biến đổi hết sức sâu sắc. Xu thế đổi đầu cảng thẳng trong quan hệ quốc tế ngày càng lắng xuống và dần được thay bằng xu thế đổi thoại, hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình. Điều này đã khiến cho sự khác biệt về ý thức hệ vốn được xem là “chuẩn mực” trong quan hệ quốc tế được gạt bỏ, các nước, các khu vực có thể xích lại gần nhau để hợp tác cùng phát triển. Đây là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu để Việt Nam và Đài Loan có thể vượt qua những trở ngại do sự khác biệt về chế độ chính trị, xã hội, tiến hành những động thái đầu tiên trong việc thiết lập quan hệ hợp tác kinh tế.

Cùng với sự biến đổi của xu thế quan hệ quốc tế, sự thúc đẩy của toàn cầu hóa và khai thác hóa cũng đưa đến những thuận lợi cho sự hình thành và mở rộng quan hệ hợp tác giữ Đài Loan và Việt Nam trong những thập niên gần đây. Toàn cầu hóa mà nội dung chính là toàn cầu hóa kinh tế vừa đem lại những thuận lợi nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với các quốc gia, khu vực. Toàn cầu hóa diễn ra với tốc độ nhanh chóng cùng với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đặt ra một ý thức mới trong việc chuyển dịch vốn đầu tư và chuyển giao công nghệ giữa các nền kinh tế. Vì nhu cầu tựa vào nhau, bổ sung lẫn nhau giữa các nền kinh tế và tranh thủ khai thác các lợi ích của đối tác để phát triển trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ kinh tế quốc tế. Chính điều này đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để Đài Loan và Việt Nam - hai nền kinh tế có sự

\* PGS. TS, Đại học Vinh.  
\*\* ThS, Đại học Vinh.

triển khác biệt có thể tìm thấy nhu cầu hợp tác cùng có lợi. Đó chính là cơ sở và là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự hình thành và phát triển quan hệ kinh tế giữa Đài Loan và Việt Nam.

Bên cạnh xu thế toàn cầu hóa kinh tế, toàn cầu hóa về văn hóa cũng ngày càng phát triển đã thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa sự giao lưu và hợp tác trên lĩnh vực văn hóa giữa các quốc gia, các nền văn hóa. Trong bối cảnh đó, Đài Loan và Việt Nam vốn có sự tương đồng về văn hóa lại có thêm những điều kiện thuận lợi để mở rộng sự giao lưu và hợp tác văn hóa. Đây là một trong những nhân tố đóng vai trò thúc đẩy sự hình thành và phát triển nhanh chóng của quan hệ hợp tác văn hóa, giáo dục giữa Đài Loan và Việt Nam trong thời gian gần đây.

Bước sang thế kỷ XXI, tuy tình hình thế giới vẫn chưa thật sự ổn định nhưng xu thế hội nhập quốc tế và liên kết khu vực ngày càng được đẩy mạnh, hợp tác kinh tế trở thành dòng chính trong quan hệ quốc tế. Tình hình đó đã làm cho sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế ngày càng chặt chẽ, xu thế hợp tác sâu rộng giữa các quốc gia, khu vực để phát triển trong hòa bình vì lợi ích của tất cả các bên được xác lập một cách vững chắc trên bình diện toàn thế giới. Tất cả những điều đó đã và đang tạo điều kiện thuận lợi để quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam phát triển nhanh hơn.

Trong bối cảnh quốc tế nói trên, sự phát triển của tình hình khu vực cũng có những tác động không nhỏ đối với sự hình thành và phát triển quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam từ cuối những năm 1980 đến nay.

Việt Nam và Đài Loan cùng nằm trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương - “khu vực được đánh giá là năng động và phát triển mạnh mẽ nhất của thế giới trong nửa đầu thế kỷ XXI”<sup>1</sup>. Do vậy cả hai bên sẽ đứng trước những cơ hội lớn để phát huy những tiềm năng và lợi thế của mình. Thực tiễn cho thấy, sự trỗi dậy của các nền kinh tế Đông Á đã và đang đặt ra một nhu cầu cao về hợp tác khu vực. Điều đó đòi hỏi các quốc gia, các nền kinh tế trong khu vực cần phải xích lại gần nhau, bổ sung cho nhau, tiến hành hợp tác cùng có lợi để đạt được những mục tiêu chung trong việc duy trì sự ổn định và phát triển. Đó chính là nhân tố có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự hình thành quan hệ hợp tác giữa các nền kinh tế khu vực, trong đó có Đài Loan và Việt Nam.

Mặt khác, cho dù vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn song tình hình Đông Á từ sau Chiến tranh lạnh đến nay nhìn chung vẫn tương đối ổn định, khả năng liên kết khu vực ngày càng cao. Sự phát triển nhanh chóng của liên kết khu vực theo xu thế nhất thể hóa thông qua các cơ chế hợp tác song phương và đa phương (cơ chế hợp tác ASEAN+) vừa đem lại môi trường thuận lợi vừa tạo nên những cơ chế hợp tác ngày càng rộng rãi cho sự hợp tác khu vực. Đây chính là nhân tố cơ bản giúp Đài Loan và Việt Nam vượt qua những rào cản do sự khác biệt về chế độ chính trị cũng như cơ cấu kinh tế để xích lại gần nhau, thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác cùng có lợi.

Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Trung Quốc trong những thập niên gần đây cũng tạo nên những điều kiện thuận lợi cho quan hệ hợp tác kinh tế giữa Đài Loan và Việt Nam. Có thể nói, “sự phát triển nhanh và liên tục của nền kinh tế Trung Quốc trong thời gian qua cùng với chiến lược phát triển sau Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tạo ra thời cơ thuận lợi cho các doanh nghiệp Đài Loan đến Việt Nam đầu tư và kinh doanh”<sup>2</sup>. Những điều kiện thuận lợi có thể thấy đó là: *một là*, việc Trung Quốc nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài khi đến đầu tư tại Việt Nam (trong đó có các nhà đầu tư Đài Loan) có thể tiếp cận một thị trường rộng lớn, gần gũi với Việt Nam; *hai là*, việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp bên ngoài đến làm ăn tại khu vực này. Đó

<sup>1</sup> Trần Hoàng Long (2006), “Những yếu tố quan trọng hình thành, thúc đẩy đầu tư trực tiếp của Đài Loan vào Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 9(69) 11-2006, tr.18.

<sup>2</sup> Trần Hoàng Long (2006), “Những yếu tố quan trọng hình thành, thúc đẩy đầu tư trực tiếp của Đài Loan vào Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 9(69) 11-2006, tr 18 - 24.

cũng là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quan hệ hợp tác đầu tư và thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam; ba là, những chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc ở khu vực biên giới với Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa của Việt Nam trong quá trình xuất ra nước ngoài (trong đó có thị trường Đài Loan).

Như vậy có thể thấy, sự chuyển biến của tình hình quốc tế và khu vực từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX đến nay đã và đang đem lại những điều kiện thuận lợi đối với sự hình thành và mở rộng quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam. Đây là những nhân tố khách quan mà cả Đài Loan và Việt Nam cần hết sức lưu ý trong quá trình đẩy mạnh sự hợp tác giữa hai bên.

Bên cạnh sự tác động của tình hình quốc tế và khu vực cũng như những nhân tố mà Đài Loan và Việt Nam tạo ra thì sự gần gũi về địa lí và tương đồng về văn hóa giữa Đài Loan và Việt Nam vừa đóng vai trò là cơ sở vừa đóng vai trò là nhân tố thúc đẩy sự hình thành và phát triển quan hệ hợp tác giữa hai bên.

Trong số hàng trăm quốc gia và vùng lãnh thổ có quan hệ với Việt Nam thì Đài Loan có vị trí địa lí khá gần gũi với Việt Nam. Chỉ cần 3 giờ đồng hồ là có thể bay từ Việt Nam sang tới Đài Loan. Bên cạnh đó, Đài Loan và Việt Nam lại cùng nằm trên tuyến đường biển Đông Tây - Bắc Nam nên rất thuận lợi cho quan hệ thông thương. Sự gần gũi về địa lí chính là yếu tố địa - kinh tế thuận lợi cho sự phát triển quan hệ kinh tế giữa Đài Loan và Việt Nam.

Cùng với sự gần gũi về địa lí, sự tương đồng văn hóa giữa Đài Loan và Việt Nam cũng là điều kiện hết sức thuận lợi cho sự xác lập và tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai bên. Đài Loan và Việt Nam đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo Trung Hoa được hình thành và xác lập từ hàng nghìn năm nay. Có thể nói, trong số các nước Đông Nam Á, ngoại trừ Singapore là nước có tỉ lệ người Hoa chiếm số đông thì Việt Nam là nước có sự gần gũi về văn hóa với Đài Loan hơn cả. Hơn nữa, do cùng nằm trong khu vực có điều kiện tự nhiên giống nhau, lại chịu ảnh hưởng của cùng một nền văn hóa nên giữa Đài Loan và Việt Nam cũng có nhiều phong tục tập quán, lối sống giống nhau. Bên cạnh đó, ở Việt Nam hiện vẫn còn một số lượng người Hoa khá đông đảo sinh sống, đó cũng là điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp Đài Loan khi đến đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Chính nhờ những yếu tố tương đồng về văn hóa như vậy mà các nhà đầu tư và doanh nhân Đài Loan đã nhanh chóng thích nghi với lối sống và môi trường Việt Nam nên họ có thể làm ăn lâu dài tại đây. Hơn thế nữa, sự tương đồng về văn hóa cũng là cơ sở và là yếu tố thúc đẩy sự hợp tác trên lĩnh vực giao lưu, hợp tác văn hóa, giáo dục và nhất là việc phát triển nhanh chóng trong quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Đó là lí do giải thích vì sao có hàng trăm nghìn cô gái Việt Nam kết hôn với người Đài Loan.

## 2. Nhân tố từ phía Đài Loan

Bên cạnh những tác động của tình hình quốc tế, những nhân tố chủ quan từ phía Đài Loan và Việt Nam có vai trò quyết định trong việc thúc đẩy sự hình thành và phát triển quan hệ hợp tác giữa hai bên.

Trong những thập niên đầu sau khi chính quyền Quốc Dân Đảng được thiết lập ở Đài Loan, hòn đảo này đã phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế hết sức nghiêm trọng. Thế nhưng, xuất phát từ việc đề ra và thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hợp lý, đồng thời tranh thủ được những điều kiện khách quan thuận lợi, Đài Loan đã nhanh chóng chuyển đổi nền kinh tế và vươn lên trở thành nền kinh tế phát triển năng động từ những năm 70 của thế kỷ XX. Thành quả của sự phát triển kinh tế Đài Loan đã tạo nên một khối lượng dự trữ vốn khá lớn. Có thể thấy, tỉ lệ dự trữ trên GNP của Đài Loan từ những năm 1970 luôn ở mức trên 30%. Bên cạnh đó, tỉ lệ dự trữ ngoại tệ của Đài Loan cũng không ngừng tăng lên: năm 1980 đạt 2,2 tỉ USD, năm 1985 đạt 22,5 tỉ USD, và năm 2001 là 122,2 tỉ USD. Việc tạo ra được nguồn vốn dự trữ ngày càng cao không chỉ giúp Đài Loan duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế nội địa mà còn là nhân tố thúc đẩy sự đầu tư của Đài Loan ra bên ngoài (trong đợt

có đầu tư vào Việt Nam). Vì vậy, có thể coi đó là cơ sở và là nhân tố chủ quan có ý nghĩa quyết định trong việc thúc đẩy sự hình thành và phát triển quan hệ hợp tác đầu tư nói riêng và hợp tác kinh tế nói chung giữa Đài Loan và Việt Nam.

Vào đầu những năm 80 của thế kỷ trước, Đài Loan đã phải đối mặt với những vấn đề nan giải trong quá trình phát triển kinh tế. Đó là sự cạn kiệt nguồn tài nguyên và năng lượng; môi trường đầu tư nội địa ngày càng bị thu hẹp; sức mua của thị trường tiêu thụ giảm sút; sự lạc hậu trong công nghệ sản xuất và nhất là sự thiếu hụt nguồn lao động cho sản xuất công nghiệp... Trong bối cảnh đó, Đài Loan đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách nền kinh tế. Chính quyền Đài Loan đã tiến hành quốc tế hóa và tự do hóa nền kinh tế nội địa, đồng thời thực hiện chính sách kinh tế thay thế nhập khẩu, hướng về xuất khẩu. Các doanh nghiệp Đài Loan một mặt phải cải tiến kỹ thuật, tìm kiếm nguồn lao động..., mặt khác tìm cách mở rộng thị trường và tiến hành đầu tư ra bên ngoài. Điều đó đã thúc đẩy các doanh nghiệp và các nhà đầu tư Đài Loan tìm đến Việt Nam - một quốc gia có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi, đang rất cần vốn, công nghệ và có lực lượng lao động dồi dào với giá thuê nhân công thấp... Có thể nói, sự gặp nhau trong nhu cầu của hai bên là nhân tố hàng đầu khiến cho các nhà đầu tư Đài Loan quyết định đầu tư vào thị trường Việt Nam. Đó là nhân tố tác động trực tiếp đến sự hình thành và tăng trưởng liên tục trên tất cả các khía cạnh hợp tác kinh tế giữa Đài Loan và Việt Nam trong suốt những thập kỷ qua.

Bên cạnh đó, từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, trước sự tác động của tình hình khu vực và quốc tế, chính quyền Đài Loan đã đề ra chính sách đối ngoại mới nhằm nâng cao vị thế trên trường quốc tế, từng bước đưa Đài Loan gia nhập các tổ chức khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh đó, chính quyền Đài Loan đã đưa ra "Chính sách hướng Nam" nhằm thực thi đường lối đối ngoại thực dụng đối với khu vực Đông Nam Á. Mục tiêu cơ bản của "Chính sách hướng Nam" là tăng cường sự cạnh tranh ánh hưởng với Trung Quốc ở Đông Nam Á, đồng thời chuyển đầu tư của các nhà đầu tư Đài Loan từ Trung Quốc sang các quốc gia Đông Nam Á để từ đó giảm bớt sự lệ thuộc vào Đại lục. Để thực hiện "Chính sách hướng Nam", chính quyền Đài Loan một mặt khuyến khích các nhà đầu tư Đài Loan tăng cường đầu tư vào khu vực Đông Nam Á, đẩy mạnh trao đổi thương mại đối với các quốc gia trong khu vực này, mặt khác thành lập các trung tâm nghiên cứu về Đông Nam Á, đẩy mạnh quan hệ ngoại giao thông qua các chuyến thăm không chính thức của những người đứng đầu chính quyền Đài Loan tới các nước Đông Nam Á, thúc đẩy sự giao lưu và hợp tác giữa Đài Loan và Đông Nam Á. Trong quá trình thực hiện "Chính sách hướng Nam", xuất phát từ tình hình thực tiễn, chính quyền Đài Loan đã xác định Việt Nam là một trong những "trọng điểm" của chính sách này. Cho đến nay, người ta vẫn chưa đánh giá chính xác về kết quả của việc thực hiện "Chính sách hướng Nam" cũng như vai trò của Việt Nam đối với việc thực hiện chính sách này của Đài Loan nhưng rõ ràng việc Đài Loan đưa ra và thực hiện "Chính sách hướng Nam" đã có tác động rất lớn đối với sự tăng cường và mở rộng quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam. Trong bối cảnh chung của việc thực hiện "Chính sách hướng Nam", quan hệ hợp tác đầu tư và trao đổi thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam đã có sự phát triển nhanh chóng. Có thể thấy sự tăng trưởng của quan hệ giữa hai bên trong các lĩnh vực đầu tư và thương mại qua những số liệu thống kê sau:

**Bảng 1: Thống kê đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 1994**

(trước khi có Chính sách hướng Nam)

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký
1988	0	0
1989	1	1,5
1990	17	251
1991	36	520,9

1992	37	561,6
1993	49	421,3
1994	78	518,6

Nguồn: Vụ Quản lý dự án - Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.

**Bảng 2: Thống kê đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam giai đoạn 1995 - 2010**

(từ khi thực hiện Chính sách hướng Nam)

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký
1995	65	1.239,7
1996	48	534,3
1997	75	274,8
1998	72	440,6
1999	92	172,9
2000	140	280,5
2001	137	455,7
2002	189	277,0
2003	167	321,6
2004	142	424,5
2005	132	1.001,8
2006	88	151,7
2007	230	2.489,7
2008	132	8.851,7
2009	95	1.626,7
2010	97	1.200,0

Nguồn: Vụ Quản lý dự án - Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Tổng cục Thống kê Việt Nam.

**Bảng 3: Thống kê kim ngạch mậu dịch Việt Nam và Đài Loan giai đoạn 1989 - 1994**

(trước khi có Chính sách hướng Nam)

Đơn vị tính: USL

Năm	Tổng kim ngạch mậu dịch hai chiều	Việt Nam nhập khẩu	Việt Nam xuất khẩu
1989	41.348.465	8.880.195	32.468.270
1990	118.299.859	62.743.712	55.556.147
1991	232.348.445	152.285.716	80.062.729
1992	401.366.439	278.466.298	122.900.141
1993	655.413.750	501.274.729	154.139.021
1994	961.513.464	742.567.748	218.945.716

Nguồn: Tổng cục thuế quan Đài Loan

**Bảng 4: Thống kê kim ngạch mậu dịch Việt Nam và Đài Loan giai đoạn 1995 - 2010**

(từ khi thực hiện Chính sách hướng Nam)

Đơn vị tính: triệu US

Năm	Tổng kim ngạch mậu dịch hai chiều	Việt Nam nhập khẩu	Việt Nam xuất khẩu
1995	1340,7	901,3	439,4
1996	1803,1	1263,2	539,9
1997	2299,2	1484,7	814,5

1998	2047,8	1377,6	670,2
1999	2248,8	1566,4	682,4
2000	2636,5	1879,9	756,6
2001	2814,7	2008,7	806,0
2002	3343,0	2525,3	817,7
2003	3664,7	2915,5	749,2
2004	4588,9	3698,3	890,6
2005	5239,2	4304,2	935,0
2006	5793,6	4824,9	968,7
2007	8086,1	6946,7	1139,4
2008	9764,0	8362,6	1401,4
2009	7373,2	6252,6	1120,6
2010	8419,7	6976,9	1442,8

Từ những bảng thống kê trên cho thấy, quan hệ đầu tư và thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam đã có sự tăng trưởng khá nhanh kể từ khi Đài Loan đề ra “Chính sách hướng Nam”, nhất là từ năm 1998 - khi Việt Nam được Đài Loan xác định là trọng điểm của việc thực hiện chính sách này.

Bên cạnh đó, dưới tác động của “Chính sách hướng Nam”, quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam cũng ngày càng được tăng cường và mở rộng trên các lĩnh vực khác như hợp tác lao động, giao lưu và hợp tác văn hóa, hợp tác giáo dục - đào tạo...

Như vậy, có thể thấy, sự phát triển kinh tế của Đài Loan cùng với những chuyển biến về chính sách kinh tế đối ngoại mà chính quyền Đài Loan đã và đang thực hiện trong những thập niên gần đây đã tạo nên “lực đẩy” thúc đẩy sự hình thành và ngày càng phát triển quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam.

### 3. Nhân tố từ phía Việt Nam

Nếu như những nhân tố từ phía Đài Loan đóng vai trò là “lực đẩy” đối với quá trình hình thành và phát triển của quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX đến nay thì những nhân tố từ phía Việt Nam lại đóng vai trò tạo nên “sức hút” đối với quá trình này.

Chúng ta đều biết rằng, vào giữa những năm 80 của thế kỉ XX, Việt Nam đã phải đối mặt với những thách thức rất lớn trong quá trình phát triển đất nước, đặc biệt là sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế. Việc thi hành chính sách kinh tế khép kín đã khiến nền kinh tế Việt Nam rơi vào tình trạng lạc hậu, kém phát triển, đặc biệt là sự khó khăn về nguồn vốn đầu tư. Hơn thế nữa, sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, Việt Nam đã mất đi những bạn hàng truyền thống của mình vì vậy nhu cầu tìm kiếm thị trường ngày càng đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết. Nhận thức được những khó khăn và thử thách nói trên, tháng 12 - 1986, Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định thực hiện đường lối đổi mới, mở cửa nền kinh tế, tăng cường sự hội nhập khu vực và quốc tế.

Thực hiện đường lối đổi mới, nhất là đổi mới về kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, năm 1987, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật đầu tư nước ngoài, cho phép các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam đầu tư kinh doanh dưới những hình thức khác nhau. Điều này đã phá bỏ những rào cản trong lĩnh vực thu hút đầu tư, tạo nên khung khổ pháp lý và cơ chế thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư tại Việt Nam. Đây chính là cơ hội chưa từng có đối với các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và các nhà đầu tư Đài Loan nói riêng đến đầu tư tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cùng với quá trình đổi mới đất nước, Việt Nam đã dần cải thiện môi trường đầu tư, nói lỏng những qui định về hàng hóa và mở rộng thị trường... Những thành công của Việt Nam trong việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian qua đã tạo nên sức hút mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư Đài Loan. Có thể nói, nếu như việc Việt Nam thông qua Luật đầu tư nước ngoài trong thời

điểm các nhà đầu tư Đài Loan đang tìm kiếm thị trường đầu tư đã tạo nên sức hút đối với Đài Loan thì việc hoàn thiện những cơ chế hợp tác kinh tế của Việt Nam lại đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế giữa Đài Loan và Việt Nam.

Cùng với những chính sách đổi mới về kinh tế, việc thực hiện đường lối đối ngoại mở và chủ động hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam cũng là nhân tố đóng vai trò thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam trong thời gian qua. Nội dung xuyên suốt trong đường lối đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đó là "... Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" <sup>1</sup>. Có thể nói, đường lối đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới một mặt "phản ánh tư duy nhạy bén của Đảng trước thời cuộc qua việc nhận thức đúng xu thế chung của thế giới là hợp tác, liên kết kinh tế khu vực và quốc tế để phát triển. Đồng thời thể hiện lập trường đối ngoại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau của Đảng và Nhà nước ta" <sup>2</sup>, mặt khác tạo điều kiện để Việt Nam và Đài Loan có thể vượt qua những rào cản khác biệt về chế độ chính trị và xã hội để từng bước mở rộng quan hệ hợp tác.

Trải qua gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành công trong việc hội nhập khu vực và quốc tế thông qua các sự kiện tiêu biểu như chúng ta gia nhập ASEAN vào năm 1995, bình thường hóa quan hệ với Mỹ (1995), gia nhập WTO (2006)... Những thành công đó không chỉ khẳng định sự đúng đắn của công cuộc đổi mới mà Việt Nam đang thực hiện, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế mà còn đem lại môi trường thuận lợi, tạo ra những cơ chế hợp tác mới trong quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam.

Bên cạnh những điều kiện nói trên, việc Việt Nam luôn duy trì sự ổn định về chính trị - xã hội cũng là một trong những yếu tố hết sức quan trọng trong việc tạo nên sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp Đài Loan khi đến đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Theo đánh giá của các nhà đầu tư Đài Loan thì chính sự ổn định của môi trường đầu tư ở Việt Nam đã tạo nên sức hấp dẫn và sự tin tưởng đối với họ trong quá trình tìm kiếm thị trường đầu tư cũng như quyết định đầu tư vào Việt Nam. Điều này góp phần lý giải vì sao trong những năm gần đây Đài Loan luôn là một trong tốp 3 nước và vùng lãnh thổ có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam nhiều nhất.

Nói tóm lại, đường lối đổi mới đất nước, tích cực chủ động hội nhập khu vực và quốc tế cũng như những chính sách thu hút đầu tư... mà Việt Nam đã tạo dựng được trong những thập niên gần đây không chỉ có vai trò tạo nên sức hút đối với việc hình thành và phát triển quan hệ kinh tế giữa Đài Loan và Việt Nam mà còn góp phần mở rộng quan hệ sang các lĩnh vực khác như giao lưu văn hóa, hợp tác giáo dục... giữa hai bên.

#### 4. Kết luận và kiến nghị

Được hình thành vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX, dưới sự tác động của những nhân tố khách quan và chủ quan, hệ giữa Việt Nam và Đài Loan ngày càng được tăng cường và mở rộng. Trong quá trình đó phát triển đó, mỗi nhân tố đóng tác động ở những mức độ khác nhau. Nếu như nhân tố quốc tế và khu vực đã đem lại môi trường hòa bình, hợp tác trong việc thúc đẩy sự hình thành và phát triển của mối quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam thì sự tác động của những nhân tố chủ quan như quá trình phát triển cùng với những điều chỉnh trong chính sách đối nội và đối ngoại của Đài Loan và Việt Nam lại đóng vai trò qui định sự vận động của mối quan hệ giữa hai bên. Trong số những nhân tố có ảnh hưởng tới sự hình

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.63.

<sup>2</sup> Trịnh Mưu - Vũ Quang Vinh (2005), *Quan hệ quốc tế những năm đầu thế kỷ XXI: vấn đề, sự kiện và quan điểm*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.195.

nhân và phát triển của quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam từ cuối những năm 1980 đến nay có những nhân tố đã qua và kết thúc vai trò của nó nhưng cũng có những nhân tố đang và sẽ tiếp tục chi phối đến việc phát triển mối quan hệ giữa hai bên. Vì vậy, cả Việt Nam và Đài Loan cần nhận thức và đánh giá đúng vai trò của từng nhân tố để từ đó tranh thủ những thuận lợi, đề ra những giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy và mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác trên tinh thần hai bên cùng có lợi.

Từ việc nghiên cứu những nhân tố thúc đẩy sự hình thành và phát triển quan hệ hợp tác giữa Đài Loan và Việt Nam, chúng tôi xin nêu một vài kiến nghị để tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai bên.

**Thứ nhất**, nhân tố có vai trò thúc đẩy sự hình thành và phát triển quan hệ hợp tác đầu tư và thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam trong thời gian qua chính là nhu cầu mở rộng đầu tư và chuyên giao công nghệ của Đài Loan ra bên ngoài và nhu cầu thu hút đầu tư và công nghệ, kĩ thuật từ phía Việt Nam. Chính sự gặp gỡ của hai nhu cầu này đã thúc đẩy quan hệ giữa hai bên phát triển liên tục. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng, những kĩ thuật và công nghệ mà Đài Loan chuyển giao sang Việt Nam đa phần là đã cũ kĩ và lạc hậu, vì vậy, Việt Nam cần phải có sự lựa chọn trong việc tiếp nhận công nghệ từ phía Đài Loan. Bên cạnh đó, để duy trì và phát triển quan hệ, Đài Loan cần có sự chuyên giao những công nghệ và kĩ thuật tiên tiến của mình sang Việt Nam. Có như vậy mới tạo nên được quan hệ hợp tác cùng có lợi trong thời gian lâu dài.

**Thứ hai**, cả Việt Nam và Đài Loan cần tận dụng lợi thế do sự gần gũi về địa lí và tương đồng về văn hóa để đẩy mạnh hơn nữa sự giao lưu và hợp tác văn hóa, giáo dục, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Việc phát triển quan hệ trong những lĩnh vực này sẽ góp phần tháo gỡ những vấn đề còn tồn tại trong quan hệ giữa hai bên về hợp tác lao động, vẫn đề kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam với người Đài Loan... như hiện nay.

**Thứ ba**, Việt Nam cần tận dụng lợi thế do có số lượng đông đảo lao động và có dâu người Việt đang làm việc và sinh sống ở Đài Loan để tăng cường sự hiểu biết, đẩy mạnh đầu tư sang Đài Loan... Chính những cô dâu Việt Nam ở Đài Loan sẽ đóng vai trò là "cầu nối" để thúc đẩy và mở rộng hơn nữa quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam trong tương lai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Xuân Bình (CB) (2007), *Hợp tác kinh tế Việt Nam - Đài Loan trong bối cảnh hội nhập kinh tế Đông Á*, NXB Lao động, Hà Nội.
2. Pi Yun Chen (2006), *Cross - Cultural Marriages between Taiwan and Vietnam - Issues, Controversies and Implications*, Meijo Institute of Technology, Taiwan.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Đình Liêm (1995), “Quan hệ kinh tế Đài Loan – Việt Nam trong bối cảnh chung của “Chính sách hướng Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1, tr 68 – 72.
5. Trần Hoàng Long (2006), “Những yếu tố quan trọng hình thành, thúc đẩy đầu tư trực tiếp của Đài Loan vào Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 9(69) 11-2006, tr 18 - 24.
6. Trịnh Mưu - Vũ Quang Vinh (2005), *Quan hệ quốc tế những năm đầu thế kỷ XXI: vấn đề, sự kiện và quan điểm*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
7. Hoài Nam (2004), “Triển vọng hợp tác kinh tế văn hoá phi chính phủ giữa Việt Nam với lãnh thổ Đài Loan”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6 (58), tr 60 - 66.
8. Phạm Thái Quốc (2007), “Sự nổi lên của Trung Quốc và quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 2 (72), tr 18 - 25.

9. Chen Jie (2002), *Foreign policy of the new Taiwan: Pragmatic Diplomacy in Southeast Asia*, Edward Elgar Publisher.

## **FACTORS PROMOTING THE ESTABLISHMENT AND THE DEVELOPMENT OF COOPERATIVE RELATIONSHIP BETWEEN TAIWAN AND VIETNAM**

**Nguyen Cong Khanh, Hac Xuan Canh**

### **SUMMARY**

*The relationship between Taiwan and Vietnam has been established and continuously developed since the late 1980s of the 20<sup>th</sup> century up to now. This process was and is being affected by a great deal of objective and subjective factors. Each factor plays an impactive role to some extent. Meanwhile, the international and regional situation changes have created a peaceful and cooperative environment to enhance the establishment and the development of Taiwan and Vietnam relationship; and the development process of Taiwan and Vietnam relationship along with the adjustments of domestic and foreign policies is considered the factor stipulating the movement of this relationship. Among the factors affecting the establishment and the development of the cooperative relationship between Taiwan and Vietnam since the late 1980s up to now, there are some factors which have passed and finished their roles, other factors are and will be continued to rule the two-side relationship's development. This article analyzes factors promoting the establishment and the development of the relationship between Taiwan and Vietnam in the past, and suggests some proposals to improve the bilateral relationship in the future.*